

Bản án số: 48/2018/HS-PT

Ngày: 12-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Cơ** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Phan Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2018/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: Phan Văn M, sinh năm 1967 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số 278/8/5, tổ 77, khu 11, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K và bà Trần Thị Kim C; bị cáo có vợ tên Trần Thị Minh T và 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 12/1994/HS-ST ngày 15/3/1994 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) T xử phạt 24 tháng tù về tội "Giao cấu với người dưới 16 tuổi"; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Trong vụ án còn có bị hại Lê Thị V, tuy nhiên bà V không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn M làm nghề lái xe ôm. Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 25/12/2015, bà Lê Thị V đứng tại đoạn đường Quốc lộ 13, thuộc phường H,

thành phố T, tỉnh Bình Dương để đón xe khách đến tỉnh Bình Phước; trong lúc chờ xe, bà V có để nhờ túi xách màu nâu trên xe mô tô hiệu Dream, biển số **61B1-420.71** của bị cáo Phan Văn M. Bên trong túi xách có 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 4, màu đen, ốp ngoài màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen; 02 USB; 01 thỏi son môi; 37 sổ học bạ; 01 mắt kính. Khoảng 10 phút sau, khi xe khách đến, do vội vàng nên bà V để quên túi xách trên xe mô tô của bị cáo M, khi xe khách chạy đến cây xăng H tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì bà V mới nhớ ra là đã để quên túi xách trên xe mô tô của bị cáo M; bà V đã quay lại để tìm túi xách nhưng không gặp được bị cáo M nên bà V đã hỏi thăm những người dân xung quanh và hỏi số điện thoại của bị cáo M để nhận lại tài sản nhưng M nói không lấy túi xách của bà V và không biết túi xách của bà V hiện đang ở đâu. Sau đó, bà V đã đến Công an phường H trình báo sự việc. Bị cáo M sau khi thấy bà V để quên túi xách đã kiểm tra túi xách và thấy bên trong túi xách có nhiều tài sản nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, M đã điều khiển xe mô tô biển số 61B1-420.71 đem túi xách về nhà cất giấu. Khoảng 5 giờ ngày 27/12/2015, bị cáo M đến quán cà phê (không có tên) gần trạm thu phí S, thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương uống cà phê thì gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đang ngồi uống cà phê nên M đến gặp và nhờ người đàn ông này gọi vào số điện thoại 01208935511 của bà V để trả cho bà V 37 sổ học bạ thì người này đồng ý. Khoảng 7 giờ 30 phút cùng ngày, người đàn ông này điện thoại cho bà V để yêu cầu bà V nhận lại 37 sổ học bạ. Sau khi nhận được 37 sổ học bạ và được người đàn ông này cho biết là có 01 người đàn ông nhờ trả sổ học bạ cho bà V, bà V đã nghi ngờ bị cáo M chiếm đoạt tài sản của bà V. Ngày 27/12/2015, bà V đến Công an phường H trình báo. Ngày 29/12/2015, Công an phường H mời bị cáo Phan Văn M đến trụ sở làm việc. Qua làm việc, bị cáo M đã khai nhận việc chiếm giữ trái phép tài sản của bà V nên Công an phường H chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T xử lý theo thẩm quyền. Tang vật thu giữ: 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy tab 4, màu đen, ốp ngoài màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7, màu đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208, màu đen; 02 USB; 01 thỏi son môi; 01 túi xách màu nâu; 01 xe mô tô biển số 61B1- 420.71; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn M.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01A/KLTS-TTHS ngày 04/01/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen trị giá 150.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu đồng trị giá 7.500.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 4, màu đen, ốp ngoài màu xanh trị giá 7.000.000 đồng; 01 mắt kính trị giá 400.000 đồng; 02 USB trị giá 100.000 đồng; 01 túi xách màu nâu, kiểu dáng nữ trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 15.250.000 đồng.

Quá trình điều tra, ngày 04/01/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố T giao trả 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab4, màu đen, ốp ngoài màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu đồng; 01 điện

thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen; 02 USB; 01 mắt kính; 01 túi xách màu nâu cho bà Lê Thị V. Hiện tại, bà V không có yêu cầu gì khác và có đơn xin bãi nại cho Phan Văn M.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Dream, biển số 61B1-42071, số khung: 001924, số máy: 001924 tạm giữ của bị cáo Phan Văn M. Quá trình điều tra xác định: Đây là xe do Phan Văn M đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 25/12/2016, Phan Văn M sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) Phan Văn M nhờ trả lại sổ học bạ cho bà Lê Thị V, quá trình điều tra do không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T không có căn cứ điều tra làm rõ, xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2018/HS-ST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn M phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phan Văn M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2018, bị cáo Phan Văn M kháng cáo xin hưởng án treo (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo M là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M 06 tháng tù về tội "Chiếm giữ trái phép tài sản" là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo M kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn M trình bày và nói lời sau cùng tại phiên tòa: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo và bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/12/2015, tại đoạn đường Quốc lộ 13 thuộc phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo M nhặt được túi xách cùng tài sản có tổng trị giá 15.250.000 đồng (01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen trị giá 150.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7 màu đồng trị giá 7.500.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab 4, màu đen, ốp ngoài màu xanh trị giá 7.000.000 đồng; 01 mắt kính trị giá 400.000 đồng; 02 USB trị giá 100.000 đồng; 01 túi xách màu nâu, kiểu dáng nữ trị giá 100.000 đồng) của bị hại bà Lê Thị V để quên trên xe mô tô của bị cáo M nhưng bị cáo M cố tình không trả lại cho bà V và cũng không giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý tài sản nhằm chiếm đoạt tài sản trên của bà V.

[2] Khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

"1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản có giá trị từ mười triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng, cổ vật hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hoá bị giao nhằm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm."

Khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật bị giao nhằm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm."

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M phạm tội "Chiếm giữ trái phép tài sản" là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định vừa viện dẫn ở trên và quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc hướng dẫn xét xử đối với các vụ án xảy ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thì việc áp dụng khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có lợi hơn cho người phạm tội trong vụ án này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án là có sai sót, cần rút kinh nghiệm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo M là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị V được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi cố ý chiếm giữ tài sản của bà V là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nên đã cố ý thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản chiếm đoạt được thu hồi và trả lại cho bị hại bà V; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Bị cáo M có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù là nặng, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển sang phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T là chưa xem xét hết hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Văn M nên bị cáo M không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Văn M; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2018/HS-ST ngày 21-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T về hình phạt đối với bị cáo Phan Văn M:

Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Văn M 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội "Chiếm giữ trái phép tài sản".

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phan Văn M không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trương Văn Lộc

Lê Quân Vương

Nguyễn Huỳnh Đức

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- TAND huyện Phú Giáo;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục huyện Phú Giáo;
- Công an huyện huyện Phú Giáo;
- Bị cáo;;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh BD;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức

